

UBND THỊ XÃ SƠN TÂY

Phụ lục 01

PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ PHỤC VỤ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CHO CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ

TỪ NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ GIAO TRONG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND thị xã Sơn Tây)

Đơn vị: đồng

TT	Đơn vị/Nguồn Kinh phí	Nội dung chi	Dự toán phân bổ	Ghi chú
	Tổng cộng		2,840,221,000	
I	Sự nghiệp kinh tế		749,136,000	
1	Chi SN nông nghiệp, hoạt động khuyến nông (hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi, rau an toàn, chuyển đổi cơ cấu KT); Chương trình nông nghiệp, nông thôn mới, rau an toàn		281,466,000	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	Tiền công tổng vệ sinh, khử trùng và tiêu độc môi trường phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm đợt đầu năm 2025	101,800,000	KH 79/KH-UBND ngày 05/02/2025 của UBND TXST
		Tiền công vệ sinh, khử trùng và tiêu độc môi trường phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm đợt cuối năm 2024	121,500,000	KH 393/KH-UBND ngày 27/11/2024 của UBND TXST
		Kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh đại động vật trên địa bàn thị xã Sơn Tây	58,166,000	CV 165/UBND-TTĐVNN ngày 20/01/2025 của UBND TXST
2	Hoạt động du lịch, phổ đi bộ xung quanh hào Thành cổ,...		53,150,000	
	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	Kinh phí tổ chức các hoạt động lễ ký kết hợp tác truyền thông giữa thị xã Sơn Tây và Đài Phát thanh truyền hình Hà Nội	53,150,000	KH 419/KH-UBND ngày 26/12/2024 của UBND TXST
3	Trung bày sinh vật cảnh, cây xanh ngày lễ, tết,....		414,520,000	
	Ban chỉ huy quân sự thị xã Sơn Tây	Kinh phí tổ chức bắn pháo hoa Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025	414,520,000	KH 376/KH-UBND ngày 23/12/2024 của UBND TPHN
II	Sự nghiệp giáo dục		141,859,000	
1	Cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập		126,499,000	
	Phòng Giáo dục và đào tạo	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2024-2025	64,425,000	
	Các trường học	Kinh phí miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2024-2025	62,074,000	Chi tiết theo Phụ lục 02, 03
2	KP ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo TT 29 và TT09		15,360,000	
	Các trường học	Hỗ trợ kinh phí ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo học kỳ I năm học 2024-2025	15,360,000	Chi tiết theo Phụ lục 02
III	Sự nghiệp quản lý nhà nước		1,949,226,000	
	Chi mua sắm tài sản, sửa chữa lớn TSCĐ; nhiệm vụ phục vụ QLNN phát sinh			
	Ban quản lý di tích Làng cổ Đường Lâm	Kinh phí cho đoàn công tác tham dự nhận giải thưởng du lịch ASEAN 2025 tại Malaysia	148,077,000	CV 47/CDLQGVN-QHQT ngày 07/01/2025 của Cục du lịch quốc gia VN; QĐ 73/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND TX

TT	Đơn vị/Nguồn Kinh phí	Nội dung chi	Dự toán phân bổ	Ghi chú
	Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao	Kinh phí tổ chức lễ giao nhận quân	220,000,000	KH 70/KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND TX;
	Phòng Tư pháp	Số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn thị xã Sơn Tây	280,951,000	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Kinh phí Tổng kiểm kê tài sản công	100,000,000	
	Phòng Y tế	Bổ sung kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 70 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam	59,830,000	
	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân xã Thanh Mỹ đối với kết quả xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; xã Cổ Đông đối với kết quả xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	129,774,000	KH 15/KH-MTTQ-BTT ngày 13/12/2024 của MTTQ; KH 27/KH-MTTQ-BTT ngày 21/02/2025 của MTTQ
	Hội phụ nữ	Kinh phí tổ chức hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến trong các cấp hội trên địa bàn thị xã giai đoạn 2025-2030	56,300,000	KH 04/KH-BTV ngày 03/01/2025 của HPN
	Hội chữ thập đỏ	Kinh phí khoán cho lao động hợp đồng	155,000,000	
	UBND các xã, phường	Bổ sung kinh phí hoạt động	799,294,000	Chi tiết theo Phụ lục số 04

BIỂU CHI TIẾT HỖ TRỢ KINH PHÍ ĂN TRƯA CHO TRẺ MẪU GIÁO VÀ CẤP BÙ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ SƠN TÂY KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND thị xã Sơn Tây)

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên đơn vị	Dự toán Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo kỳ 1 năm học 2024-2025		Dự toán kinh phí miễn, giảm học phí kỳ 1 năm học 2024-2025		Tổng dự toán kinh phí hỗ trợ	Mã ĐVQHNS - Chương - Khoản - mã nguồn	Ghi chú
		Số học sinh	Dự toán kinh phí	Số học sinh	Dự toán kinh phí			
A	B	1	2	3	4	5=2+4	6	7
	Tổng cộng	24	15,360,000	13	4,694,000	20,054,000		
1	MN Phú Thịnh	1	640,000	1	434,000	1,074,000	1100455-622-071-12	Danh sách chi tiết các đối tượng hỗ trợ tại Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND Thị xã Sơn Tây
2	MN Sơn Ca	2	1,280,000	1	434,000	1,714,000	1090735-622-071-12	
3	MN Sơn Lộc	2	1,280,000	1	868,000	2,148,000	1100453-622-071-12	
4	MN Trung Sơn Trầm	1	640,000	0	0	640,000	1100457-622-071-12	
5	MN Viên Sơn	2	1,280,000	1	434,000	1,714,000	1100456-622-071-12	
6	MN Xuân Khanh	5	3,200,000	1	434,000	3,634,000	1100454-622-071-12	
7	MN Cổ Đông	3	1,920,000	0	0	1,920,000	1100460-622-071-12	
8	MN Kim Sơn	1	640,000	1	190,000	830,000	1100462-622-071-12	
9	MN Sơn Đông	1	640,000	1	190,000	830,000	1100461-622-071-12	
10	MN Thanh Mỹ	2	1,280,000	2	380,000	1,660,000	1100459-622-071-12	
11	MN Xuân Sơn	3	1,920,000	4	1,330,000	3,250,000	1100464-622-071-12	
12	MN Sao Mai	1	640,000	0	0	640,000	1133548-622-071-12	

BIỂU CHI TIẾT KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
CHO CÁC TRƯỜNG THCS TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ SƠN TÂY KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND thị xã Sơn Tây)

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên đơn vị	Dự toán kinh phí miễn, giảm học phí kỳ 1 năm học 2024-2025		Mã ĐVQHNS - Chương - Khoản - Mã nguồn	Ghi chú
		Số học sinh	Dự toán kinh phí		
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng	161	57,380,000		
I	Khối THCS	137	44,360,000		
1	THCS Hồng Hà	2	620,000	1024565-622-073-12	Danh sách chi tiết các đối tượng hỗ trợ tại Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND Thị xã Sơn Tây
2	THCS Ngô Quyền	5	2,170,000	1024570-622-073-12	
3	THCS Phùng Hưng	7	3,410,000	1024817-622-073-12	
4	THCS Phú Thịnh	8	3,720,000	1130811-622-073-12	
5	THCS Sơn Lộc	5	2,635,000	1024818-622-073-12	
6	THCS Trung Hưng	9	4,650,000	1024803-622-073-12	
7	THCS Trung Sơn Trầm	17	7,052,500	1024805-622-073-12	
8	THCS Viên Sơn	7	3,410,000	1025051-622-073-12	
9	THCS Xuân Khanh	8	3,642,500	1024804-622-073-12	
10	THCS Cổ Đông	13	3,450,000	1024562-622-073-12	
11	THCS Đường Lâm	15	2,550,000	1024563-622-073-12	
12	THCS Kim Sơn	7	1,050,000	1024573-622-073-12	
13	THCS Sơn Đông	18	2,700,000	1024561-622-073-12	
14	THCS Thanh Mỹ	12	2,550,000	1024564-622-073-12	
15	THCS Xuân Sơn	4	750,000	1024572-622-073-12	
II	Trung tâm GDNN-GDTX	24	13,020,000	1058456-622-075-12	

PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ PHỤC VỤ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CHO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND thị xã Sơn Tây)

Đơn vị: Đồng

TT	Đơn vị/Nguồn Kinh phí	Tổng cộng	Trong đó		Mã ĐVQHNS-Chương-Khoản-Nguồn	Ghi chú
			KP bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng TDP (3trđ/thôn, TDP)	Kinh phí khác		
	Tổng cộng	799,294,000	243,000,000	556,294,000		
1	UBND phường Ngô Quyền	57,000,000	57,000,000		1007388-799-341-12	
2	UBND phường Xuân Khanh	24,000,000	24,000,000		1007389-799-341-12	
3	UBND phường Phú Thịnh	201,000,000	21,000,000	180,000,000	1007390-799-341-12	Hội thi Bánh tẻ truyền thống làng nghề Phú Nhi lần thứ 2: 180 triệu đồng (Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/01/2025 của UBND phường Phú Thịnh)
4	UBND phường Trung Sơn Trầm	391,294,000	15,000,000	376,294,000	1007385-799-341-12	Xây dựng rãnh thoát nước, sửa chữa nền gạch tại trụ sở UBND phường Trung Sơn Trầm: 376.294.000 đồng (BBTN ngày 20/12/2024; Thông báo số 85/TB-TCKH ngày 16/01/2025)
5	UBND phường Sơn Lộc	18,000,000	18,000,000		1007142-799-341-12	
6	UBND phường Trung Hưng	24,000,000	24,000,000		1007137-799-341-12	
7	UBND xã Đường Lâm	27,000,000	27,000,000		Khoản 341	
8	UBND xã Sơn Đông	30,000,000	30,000,000		Khoản 341	
9	UBND xã Xuân Sơn	27,000,000	27,000,000		Khoản 341	